

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DANH MỤC CÁC ĐỀ TÀI CẤP ĐHQGHN, BỘ, TỈNH GIAI ĐOẠN 2016-2018

| STT | Mã số đề tài | Tên đề tài | Chủ nhiệm đề tài | Tên đơn vị | Loại đề tài | Ngày phê duyệt | Ngày nghiệm thu | Kết quả nghiệm thu |
|-----|---------------|--|------------------|-----------------|-------------|----------------|-----------------|--------------------|
| 2 | QMT12.01 | Xây dựng bộ chỉ số chất lượng môi trường tổng hợp đối với không khí, nước và đất phục vụ công tác giám sát và quản lý môi trường | Dương Ngọc Bách | Trung tâm CEMM | Bộ | 8/1/12 | 1/15/16 | Tốt |
| 3 | QMT12.03 | Đánh giá thực trạng công nghệ và tiềm năng tái sử dụng bùn thải đô thị tại một số thành phố thuộc khu vực Bắc Bộ Việt Nam | Trần Văn Quy | Khoa Môi trường | Bộ | 12/1/12 | 30/11/2016 | Tốt |
| 1 | QMT.13.01 | Đánh giá thực trạng công nghệ và tiềm năng xử lý, tái sử dụng chất thải từ sản xuất bông vải sợi | Trần Thị Phương | Khoa Môi trường | Bộ | 3/1/13 | 30/11/2016 | Tốt |
| 4 | ĐT-CNMT.01/17 | Nghiên cứu xử lý tro xỉ nhiệt điện sử dụng chất kết dính vô cơ không sử dụng xi măng thành vật liệu ứng dụng trong xây dựng, giao thông hoặc san lấp công trình | Trần Hồng Côn | Khoa Hóa học | Bộ | 7/3/17 | | |
| 107 | QGTĐ.12.07 | Nghiên cứu cơ sở khoa học và xây dựng mô hình mô phỏng trường thủy động lực ba chiều và vận chuyển bùn cát xung quanh các kè mỏ hàn chỉnh trị sông (thử nghiệm cho đoạn sông Hồng chảy qua thành phố Hà Nội) | Trần Ngọc Anh | Khoa KT-TV-HDH | ĐHQGHN | 10/15/12 | 4/14/16 | Tốt |
| 108 | QGDA.13.01 | Điều tra ô nhiễm môi trường xuyên biên giới Việt-Trung khu vực sông Hồng, Lào Cai | Nguyễn Văn Vượng | Khoa Địa chất | ĐHQGHN | 3/12/13 | | |
| 11 | QG.13.03 | Chế tạo, nghiên cứu cấu trúc, tính chất và khả năng ứng dụng của các hạt nano kim loại quý | Ngọc An Bang | Khoa Vật lý | ĐHQGHN | 7/16/13 | 12/23/16 | Tốt |
| 12 | QG.13.05 | Nghiên cứu một số hệ vật liệu từ đặc biệt d0 | Nguyễn Anh Tuấn | Khoa Vật lý | ĐHQGHN | 7/16/13 | 9/30/16 | Xuất sắc |
| 13 | QG.13.10 | Nghiên cứu thành phần loài cá khu vực biển ven bờ tỉnh Bình Thuận nhằm đề xuất các giải pháp quản lý, khai thác hợp lý và phát triển bền vững | Nguyễn Thành Nam | Khoa Sinh học | ĐHQGHN | 7/16/13 | 5/28/16 | Tốt |
| 14 | QG.13.11 | Nghiên cứu xây dựng mô hình độc học phát triển phôi cá ngựa vằn và tế bào gốc phôi chuột nuôi cấy để thử nghiệm đánh giá tác động của một số phụ gia thực phẩm | Nguyễn Lai Thành | Khoa Sinh học | ĐHQGHN | 7/16/13 | 3/23/17 | Đạt |
| 109 | QGTĐ.13.06 | Nghiên cứu proteinase kim loại và protein ức chế proteinase kim loại của bệnh ung thư đại trực tràng | Trịnh Hồng Thái | Khoa Sinh học | ĐHQGHN | 7/16/13 | 4/13/16 | Xuất sắc |
| 110 | QGTĐ.13.07 | Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu tích hợp liên ngành đáp ứng yêu cầu sử dụng, bảo vệ tài nguyên đất ở tỉnh Hà Giang | Lê Văn Thiện | Khoa Môi trường | ĐHQGHN | 7/16/13 | 10/11/16 | Tốt |
| 111 | QGTĐ.13.08 | Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đa lợi ích sử dụng bền vững tài nguyên đất khu vực ngoại thành phía Tây Nam Hà Nội | Trần Văn Tuấn | Khoa Địa lý | ĐHQGHN | 7/16/13 | 2/29/16 | Tốt |
| 112 | QGTĐ.13.09 | Nghiên cứu đánh giá tác động của quá trình dâng cao mực nước do biến đổi khí hậu toàn cầu đến phân bố không gian của các hằng số điều hòa thủy triều trên vùng biển miền Trung Việt Nam | Nguyễn Minh Huân | Khoa KT-TV-HDH | ĐHQGHN | 7/16/13 | | |
| 113 | QGTĐ.13.10 | Nghiên cứu đánh giá tác động và lượng giá thiệt hại của thiên tai do biến đổi khí hậu tới biến đổi sử dụng đất, di dân và sinh kế tại các xã ven biển thuộc huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh | Nguyễn An Thịnh | Khoa Địa lý | ĐHQGHN | 7/16/13 | 6/27/16 | Tốt |

| | | | | | | | | |
|----|-------------|---|----------------------|------------------------------|--------|---------|-----------|----------|
| 15 | QG.14.09 | Nghiên cứu điều kiện cơ khí hậu hình thành các trầm tích chứa dầu ở Đồng Ho (Quảng Ninh) nhằm định hướng tìm kiếm dầu khí | Nguyễn Văn Vượng | Khoa Địa chất | ĐHQGHN | 4/22/14 | | |
| 16 | QG.14.10 | Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đa lợi ích sử dụng bền vững tài nguyên hang động và cảnh quan karst độc đáo tỉnh Quảng Ninh | Nguyễn Hiệu | Khoa Địa lý | ĐHQGHN | 4/22/14 | | |
| 17 | QG.14.11 | Nghiên cứu công nghệ khai thác năng lượng từ nước thải công nghiệp mía đường | Nguyễn Thị Hà | Khoa Môi trường | ĐHQGHN | 4/22/14 | 3/14/17 | Tốt |
| 18 | QG.14.12 | Thác triển toán tử ngẫu nhiên | Nguyễn Thịnh | Khoa Toán - Cơ - Tin học | ĐHQGHN | 4/22/14 | 8/24/17 | Tốt |
| 19 | QG.14.13 | Tích hợp tri thức trong các hệ thống đa tác tử | Trần Trọng Hiếu | Khoa Toán - Cơ - Tin học | ĐHQGHN | 4/22/14 | 9/20/16 | Tốt |
| 20 | QG.14.14 | Nghiên cứu chế tạo và tính chất của vật liệu từ cứng CoNiP có cấu trúc nano | Lê Tuấn Tú | Khoa Vật lý | ĐHQGHN | 4/22/14 | 6/16/17 | Tốt |
| 21 | QG.14.15 | Tổng hợp, nghiên cứu tính chất quang và khả năng ứng dụng của vật liệu dây nano TiO ₂ pha tạp kim loại chuyển tiếp | Trịnh Thị Loan | Khoa Vật lý | ĐHQGHN | 4/22/14 | 6/14/17 | Tốt |
| 22 | QG.14.16 | Chế tạo và nghiên cứu một số tính chất vật lý của vật liệu từ nhiệt có cấu trúc lập phương loại NaZn ₁₃ | Đỗ Thị Kim Anh | Khoa Vật lý | ĐHQGHN | 4/22/14 | 6/27/16 | Tốt |
| 23 | QG.14.17 | Nghiên cứu, chế tạo keo dán kim loại hiệu năng cao trên cơ sở polibismaleimit tinh thể lỏng | Phạm Quang Trung | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 4/22/14 | 4/7/17 | Tốt |
| 24 | QG.14.18 | Nghiên cứu công nghệ chế tạo polyme làm phụ gia giảm nhiệt độ đông đặc của biodiesel | Phan Thị Tuyết Mai | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 4/22/14 | 11/3/16 | Xuất sắc |
| 25 | QG.14.19 | Tổng hợp, đánh giá hoạt tính xúc tác axit cho phản ứng chuyển hóa fructozơ thành 5-hydroxymethylfurfuran, tiền chất cho tổng hợp polyme sinh học và nhiên liệu sinh học | Nguyễn Thanh Bình | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 4/22/14 | 11/2/16 | Tốt |
| 26 | QG.14.20 | Tổng hợp, nghiên cứu tính chất và khảo sát khả năng xúc tác của oxit hỗn hợp CaO.CuO.CeO ₂ cho phản ứng oxi hóa phenol | Hoàng Thị Hương Huế | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 4/22/14 | 6/30/17 | Tốt |
| 27 | QG.14.21 | Tạo dòng thuần đồng hợp tử cá medaka chuyển gen biểu hiện yếu tố kích thích hủy cốt bào RANKL dưới tác dụng của sốc nhiệt làm mô hình cho nghiên cứu về loãng xương | Tô Thanh Thúy | Khoa Sinh học | ĐHQGHN | 4/22/14 | 7/13/16 | Tốt |
| 28 | QG.14.22 | Nghiên cứu tính đa hình của gen OSHKT1 mã hóa cho protein vận chuyển ion màng nhằm đánh giá khả năng thích nghi với điều kiện mặn của cây lúa | Đỗ Thị Phúc | Khoa Sinh học | ĐHQGHN | 4/22/14 | 7/15/16 | Xuất sắc |
| 29 | QG.14.23 | Nghiên cứu chế tạo màng mỏng Nb:TiO ₂ (TNO) cho cửa sổ thông minh: cách nhiệt bằng phản xạ tia hồng ngoại | Hoàng Ngọc Lam Hương | Trung tâm Nano và Năng lượng | ĐHQGHN | 4/22/14 | 8/24/17 | Tốt |
| 30 | QG.14.24 | Nghiên cứu chế tạo màng mỏng dạng delafossite CuFeO ₂ bằng phương pháp phun xạ nhằm ứng dụng chế tạo pin năng lượng mặt trời | Nguyễn Trần Thuật | Trung tâm Nano và Năng lượng | ĐHQGHN | 4/22/14 | 8/4/16 | Tốt |
| 5 | KLEPT.14.01 | Nghiên cứu thiết kế hệ thống vector biểu hiện gen nhằm nâng cao hiệu suất sinh tổng hợp enzym ở nấm sợi <i>Aspergillus oryzae</i> | Trần Văn Tuấn | Khoa Sinh học | ĐHQGHN | 7/16/14 | 24/3/2017 | Xuất sắc |
| 6 | KLEPT.14.02 | Nghiên cứu tạo chế phẩm có khả năng kích thích tăng sinh tổng hợp melanin của melanocyte nhằm định hướng phát triển thuốc điều trị chứng bạc tóc sớm | Nguyễn Đình Thắng | Khoa Sinh học | ĐHQGHN | 7/16/14 | 24/3/2017 | Tốt |
| 7 | KLEPT.14.03 | Nghiên cứu tạo cơ chất đặc hiệu cho protease của virus gây suy giảm miễn dịch ở người (HIV) | Nguyễn Thị Hồng Loan | Khoa Sinh học | ĐHQGHN | 7/16/14 | 23/6/2017 | Tốt |
| 31 | QG.15.01 | Một số tính chất tô pô của hệ động lực | Lê Huy Tiễn | Khoa Toán - Cơ - Tin học | ĐHQGHN | 2/10/15 | | |

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|-----------------------|--------------------------|--------|---------|--|--|
| 32 | QG.15.02 | Phát triển gói lệnh tính toán trên Sage trong lý thuyết toán tử đối đồng điều và đường cong đại số | Phó Đức Tài | Khoa Toán - Cơ - Tin học | ĐHQGHN | 2/10/15 | | |
| 33 | QG.15.03 | Hệ động lực rừng với điều kiện biên hỗn hợp | Lê Huy Chuẩn | Khoa Toán - Cơ - Tin học | ĐHQGHN | 2/10/15 | | |
| 34 | QG.15.04 | Các mô hình xác suất phân tích ngữ nghĩa ẩn trong các tập dữ liệu lớn. | Lê Hồng Phương | Khoa Toán - Cơ - Tin học | ĐHQGHN | 2/10/15 | | |
| 35 | QG.15.05 | Nghiên cứu đa hình di truyền gen COX-1 và COX-2 trên ADN ty thể liên quan đến bệnh nhân ung thư đại trực tràng ở Việt Nam | Phạm Thị Bích | Khoa Sinh học | ĐHQGHN | 2/10/15 | | |
| 36 | QG.15.06 | Nghiên cứu xây dựng bộ số liệu mưa trên lưới cho Việt Nam sử dụng sản phẩm vệ tinh GSMaP và quan trắc tại trạm ; ứng dụng đánh giá sự biến đổi các đặc trưng mưa cho khu vực miền Trung | Ngô Đức Thành | Khoa KT-TV-HDH | ĐHQGHN | 2/10/15 | | |
| 37 | QG.15.07 | Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đa lợi ích sử dụng bền vững tài nguyên đất ngập nước nội địa ở phía Tây tỉnh Quảng Ninh | Nguyễn Xuân Cự | Khoa Môi trường | ĐHQGHN | 2/10/15 | | |
| 38 | QG.15.08 | Khảo sát, đánh giá tiềm năng năng lượng gió và mặt trời vùng bờ Việt Nam | Hoàng Xuân Cơ | Khoa Môi trường | ĐHQGHN | 2/10/15 | | |
| 39 | QG.15.09 | Nghiên cứu một số mô hình Vật lý thống kê bằng phương pháp Monte-Carlo trên hệ thống tính toán không đồng nhất sử dụng GPGPU hiệu năng cao | Nguyễn Hoàng Oanh | Khoa Vật lý | ĐHQGHN | 2/10/15 | | |
| 40 | QG.15.10 | Nghiên cứu ô nhiễm môi trường của một số kim loại nặng được hấp thụ trong thực vật bằng phương pháp phân tích PIXE | Nguyễn Thế Nghĩa | Khoa Vật lý | ĐHQGHN | 2/10/15 | | |
| 41 | QG.15.11 | Nghiên cứu hệ thống đo đạc, đánh giá và cảnh báo ô nhiễm môi trường nước ở thành phố lớn và các khu công nghiệp | Phạm Văn Thành | Khoa Vật lý | ĐHQGHN | 2/10/15 | | |
| 42 | QG.15.12 | Nghiên cứu khả năng hoạt động của anten siêu cao tần dựa trên vật liệu có cấu trúc meta | Đặng Thị Thanh Thủy | Khoa Vật lý | ĐHQGHN | 2/10/15 | | |
| 43 | QG.15.13 | Nghiên cứu tổng hợp vật liệu polyme chức năng định hướng ứng dụng làm sơn chống bám bẩn cho tàu thuyền | Nguyễn Minh Ngọc | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 2/10/15 | | |
| 44 | QG.15.14 | Nghiên cứu đặc tính điện hóa của Atorvastatin, Fenofibrat và quy trình xác định chúng trong mẫu dược phẩm và mẫu sinh học | Nguyễn Thị Kim Thương | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 2/10/15 | | |
| 45 | QG.15.15 | Nghiên cứu phát triển quy trình giám định một số chất ma túy tổng hợp thường sử dụng ở Việt Nam hướng tới áp dụng tại các trại giam và các cơ sở điều tra hình sự cấp địa phương | Nguyễn Thị Ánh Hương | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 2/10/15 | | |
| 46 | QG.15.16 | Nghiên cứu chế tạo và ứng dụng xúc tác kim loại trên chất mang làm xúc tác tổng hợp g-valerolactone từ biomass sử dụng axit formic làm nguồn cung cấp hydro | Phạm Anh Sơn | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 2/10/15 | | |
| 47 | QG.15.17 | Nghiên cứu tính chất tạo phức và khả năng ứng dụng của phối tử bazơ Schiff hai càng chứa nhân pyren trong sensor huỳnh quang | Nguyễn Minh Hải | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 2/10/15 | | |
| 48 | QG.15.18 | Nghiên cứu xây dựng bộ sinh phẩm phát hiện một số đột biến gây bệnh thiếu máu Thalassemia sử dụng kỹ thuật lai điểm ngược (Reverse Dot-Blot) | Võ Thị Thương Lan | Khoa Sinh học | ĐHQGHN | 2/10/15 | | |
| 49 | QG.15.19 | Nghiên cứu tính đa dạng và xây dựng cơ sở dữ liệu siêu âm của họ Dơi lá mũi (Chiroptera : Rhinolophidae) ở Việt Nam | Hoàng Trung Thành | Khoa Sinh học | ĐHQGHN | 2/10/15 | | |

| | | | | | | | | |
|-----|-------------|--|----------------------|--------------------------|--------|---------|---------|-----|
| 114 | QKHCN.15.01 | Đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học liên ngành | Trinh Thị Thúy Giang | Khoa Toán - Cơ - Tin học | ĐHQGHN | 3/20/15 | 6/29/16 | Tốt |
| 50 | QG.16.01 | Phát triển phần mềm mô phỏng ADN đa cấp nhằm ứng dụng trong thiết kế thuốc và mô hình tính toán vật lý-sinh học-được học | Nguyễn Thế Toàn | Khoa Vật lý | ĐHQGHN | 1/4/16 | | |
| 51 | QG.16.02 | Nghiên cứu và triển khai chế tạo thử nghiệm thiết bị thăm dò địa điện đa cực | Trần Vĩnh Thắng | Khoa Vật lý | ĐHQGHN | 1/4/16 | | |
| 52 | QG.16.03 | Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất năng lượng tái tạo hydro sinh học từ vi khuẩn kỵ khí phân lập tại Việt Nam | Bùi Thị Việt Hà | Khoa Sinh học | ĐHQGHN | 1/4/16 | | |
| 53 | QG.16.04 | Nghiên cứu và chế tạo màng mỏng đa lớp bằng phương pháp electrophoretic | Nguyễn Ngọc Đình | Khoa Vật lý | ĐHQGHN | 1/4/16 | | |
| 54 | QG.16.05 | Nghiên cứu tổng hợp và hoạt tính sinh học (γ -aryl) pyridinoazacrao ete | Trần Thị Thanh Vân | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 1/4/16 | | |
| 55 | QG.16.06 | Ứng dụng của tích phân môđivic vào lý thuyết các bất biến Donaldson-Thomas môđivic | Lê Quý Thường | Khoa Toán - Cơ - Tin học | ĐHQGHN | 1/4/16 | | |
| 56 | QG.16.07 | Về trường vector chỉnh hình tiếp xúc trong C^2 | Ninh Văn Thu | Khoa Toán - Cơ - Tin học | ĐHQGHN | 1/4/16 | | |
| 57 | QG.16.08 | Đánh dấu của các đạo hàm và nguyên hàm của hàm khả vi vô hạn | Vũ Nhật Huy | Khoa Toán - Cơ - Tin học | ĐHQGHN | 1/4/16 | | |
| 58 | QG.16.09 | Các định lý giới hạn cho trường các biến ngẫu nhiên | Tạ Công Sơn | Khoa Toán - Cơ - Tin học | ĐHQGHN | 1/4/16 | | |
| 59 | QG.16.10 | Nghiên cứu chuyển hóa solanesol phân lập từ thực vật Việt Nam thành Coenzyme Q10 và dẫn xuất | Phạm Văn Phong | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 1/4/16 | | |
| 60 | QG.16.11 | Khảo sát, đánh giá hàm lượng các độc chất hữu cơ có khả năng gây ung thư thuộc nhóm các hợp chất perfluorinated chemicals (PFCs), polycyclic aromatic hydrocarbons (PAHs) và các hợp chất liên quan trong thực phẩm và bao bì đóng gói thực phẩm | Lê Hữu Tuyền | Trung tâm CETASD | ĐHQGHN | 1/4/16 | | |
| 61 | QG.16.12 | Nghiên cứu đặc tính hấp phụ và vận chuyển một số ion kim loại nặng và ion amoni trên nhôm oxit, silic oxit và đá ong có kích thước micro-nano | Phạm Tiến Đức | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 1/4/16 | | |
| 62 | QG.16.13 | Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến các hệ sinh thái huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình và đề xuất các giải pháp ứng phó | Đoàn Hương Mai | Khoa Sinh học | ĐHQGHN | 1/4/16 | | |
| 63 | QG.16.14 | Nghiên cứu biến đổi của gen MT-ATP6 và MT-ATP8 ty thể ở bệnh nhân ung thư vú người Việt Nam | Nguyễn Thị Tú Linh | Khoa Sinh học | ĐHQGHN | 1/4/16 | | |
| 64 | QG.16.15 | Nghiên cứu phát triển phương pháp và bộ chỉ số đánh giá tính dễ bị tổn thương do lũ, lụt các sông: Lấy ví dụ ở sông Bến Hải và Thạch Hãn, tỉnh Quảng Trị dưới ảnh hưởng của biến đổi khí hậu | Nguyễn Thanh Sơn | Khoa KT-TV-HDH | ĐHQGHN | 1/4/16 | | |
| 65 | QG.16.16 | Nghiên cứu xây dựng và áp dụng phương pháp hồi phục đặc điểm cổ khí hậu Holocen bằng phân tích đồng vị bền trong trầm tích ở miền Bắc, Việt Nam | Nguyễn Tài Tuệ | Khoa Địa chất | ĐHQGHN | 1/4/16 | | |
| 66 | QG.16.17 | Đánh giá biến động lớp phủ, sử dụng đất và tai biến thiên nhiên bằng công nghệ viễn thám và GIS cho bảo đảm an toàn giao thông đường bộ miền núi (lấy ví dụ một số khu vực trọng yếu dọc Quốc lộ 6) | Nguyễn Đình Minh | Khoa Địa lý | ĐHQGHN | 1/4/16 | | |
| 67 | QG.16.18 | Nghiên cứu xây dựng và lồng ghép bộ chỉ số đô thị bền vững, thịnh vượng, đáng sống, thích ứng với biến đổi khí hậu cho thành phố ven biển (lấy ví dụ cho thành phố Đà Nẵng) | Trần Đăng Quy | Khoa Địa chất | ĐHQGHN | 1/4/16 | | |

| | | | | | | | | |
|-----|-------------|---|--------------------|-----------------------------------|--------|---------|---------|----------|
| 68 | QG.16.19 | Nghiên cứu giải pháp bảo vệ, phục hồi chất lượng đất phục vụ nâng cao chất lượng lâm sản ở miền núi: lấy ví dụ cam ở huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình và huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang | Trần Thị Tuyết Thu | Khoa Môi trường | ĐHQGHN | 1/4/16 | | |
| 69 | QG.16.20 | Nghiên cứu tác động của mưa axit đến tính chất đất, quá trình phát triển và năng suất của cây đậu tương (Glycine max) ở miền núi: Lấy ví dụ tại tỉnh Hòa Bình và đề xuất các giải pháp thích ứng | Phạm Thị Thu Hà | Khoa Môi trường | ĐHQGHN | 1/4/16 | | |
| 70 | QG.16.21 | Nghiên cứu chế tạo vật liệu tổ hợp trên cơ sở Graphen với một số oxit kim loại để ứng dụng làm vật liệu xúc tác - hấp phụ cho quá trình xử lý các kim loại nặng và các chất hữu cơ độc hại trong môi trường | Nguyễn Văn Nội | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 1/4/16 | | |
| 71 | QG.16.22 | Nghiên cứu tạo kit tách chiết AND và ARN từ các tiêu bản cố định mẫu mô ung thư | Nguyễn Thị Vân Anh | Phòng thí nghiệm trọng điểm KLEPT | ĐHQGHN | 1/4/16 | | |
| 72 | QG.16.82 | Nghiên cứu tạo chế phẩm chứa catalase và các chiết xuất hợp chất thiên nhiên nhằm ứng dụng trong phát triển đầu dưỡng trị chứng tóc bạc sớm | Đinh Nho Thái | Phòng thí nghiệm trọng điểm KLEPT | ĐHQGHN | 3/28/16 | | |
| 8 | KLEPT.16.01 | Nghiên cứu tạo phức hệ nanogel schizophyllan (SPG) mang thuốc ức chế đặc hiệu yếu tố hoại tử u (TNF-a) nhằm ứng dụng trong điều trị bệnh viêm khớp dạng thấp | Phạm Thị Thu Hường | Phòng thí nghiệm trọng điểm KLEPT | ĐHQGHN | 6/28/16 | | |
| 9 | KLEPT.16.02 | Nghiên cứu tạo chủng nấm dược liệu Monascus không tổng hợp citrinin để phục vụ sản xuất monacolin K bằng kỹ thuật CRISPR/Cas9. | Trần Đức Long | Khoa Sinh học | ĐHQGHN | 6/28/16 | | |
| 10 | KLEPT.16.03 | Nghiên cứu chế tạo bộ kit real-time PCR phát hiện và định lượng một số đột biến gen ty thể phổ biến | Phan Tuấn Nghĩa | Phòng thí nghiệm trọng điểm KLEPT | ĐHQGHN | 6/28/16 | 6/21/18 | Xuất sắc |
| 115 | TXTCN.17.01 | Phát triển công nghệ sản xuất chất hóa dẻo, chất ổn nhiệt và biodiesel từ mỡ gia súc phế thải | Lưu Văn Bôi | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 1/1/17 | | |
| 117 | TXTCN.17.03 | Tăng cường năng lực trong vấn đề phân tích các chất ô nhiễm hữu cơ mới trong trầm tích | Phạm Hùng Việt | Trung tâm CETASD | ĐHQGHN | 1/1/17 | | |
| 118 | TXTCN.17.04 | Nghiên cứu mô phỏng tính chất đàn hồi của phân tử ADN ngắn bị bẻ cong mạnh trong các trúc sinh học | Nguyễn Thế Toàn | Khoa Vật lý | ĐHQGHN | 2/1/17 | | |
| 119 | TXTCN.17.05 | Nghiên cứu chế tạo, biến tính than sinh học làm vật liệu hấp phụ và phân bón ứng dụng trong nông nghiệp | Nguyễn Văn Nội | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 2/1/17 | | |
| 74 | QG.17.08 | Quá trình phân nhánh cạnh tranh và quá trình Brown phản xạ với dịch chuyển phụ thuộc vào thời gian địa phương | Lê Vĩ | Khoa Toán - Cơ - Tin học | ĐHQGHN | 2/16/17 | | |
| 75 | QG.17.09 | Phát triển hệ thống tưới nước thông minh sử dụng năng lượng mặt trời và mạng cảm biến không dây kết hợp công nghệ IoT | Lê Quang Thảo | Khoa Vật lý | ĐHQGHN | 2/16/17 | | |
| 76 | QG.17.10 | Nghiên cứu cấu trúc điện tử của các vật liệu có cấu trúc lớp | Bạch Hương Giang | Khoa Vật lý | ĐHQGHN | 2/16/17 | | |
| 77 | QG.17.11 | Nghiên cứu cấu trúc, tính chất và chế tạo vật liệu perovskite ứng dụng cho pin nhiên liệu rắn | Nguyễn Việt Tuyên | Khoa Vật lý | ĐHQGHN | 2/16/17 | | |
| 73 | QG.17.07 | Động lực của dòng chất lỏng nhớt không nén | Trịnh Viết Dực | Khoa Toán - Cơ - Tin học | ĐHQGHN | 2/28/17 | | |
| 78 | QG.17.12 | Nghiên cứu mở và điều khiển khe năng lượng của kênh dẫn Graphene để thiết kế linh kiện nano | Nguyễn Tiến Cường | Khoa Vật lý | ĐHQGHN | 2/28/17 | | |
| 79 | QG.17.13 | Tổng hợp thư viện các hợp chất peptidomimetic phục vụ việc tìm kiếm thuốc mới chữa Parkinson và alzheimer | Mạc Đình Hùng | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 2/28/17 | | |
| 80 | QG.17.14 | Nghiên cứu chế tạo, khảo sát tính chất và định hướng ứng dụng của màng trao đổi anion hydroxyl | Nguyễn Văn Thức | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 2/28/17 | | |

| | | | | | | | | |
|-----|-------------|--|--------------------|--------------------------|--------|---------|--|--|
| 81 | QG.17.15 | Chế tạo cảm biến sinh học glucose thế hệ mới không sử dụng enzyme trên nền vật liệu lỗ xốp đa tầng kim loại Au, Cu, Ni | Nguyễn Xuân Viết | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 2/28/17 | | |
| 82 | QG.17.16 | Nghiên cứu khả năng kiểm soát đường huyết từ dịch chiết cây lô hội qua hình thức dung nạp thức ăn trong điều trị bệnh tiểu đường | Đỗ Thị Việt Hương | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 2/28/17 | | |
| 83 | QG.17.17 | Nghiên cứu phương pháp xác định lượng vết một số dạng arsen trong mẫu huyết thanh bằng phương pháp ghép nối HPLC - ICPMS | Nguyễn Mạnh Hà | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 2/28/17 | | |
| 85 | QG.17.19 | Phân tích hệ gen các chủng virus HAAdV gây bệnh đau mắt đỏ ở Việt Nam | Nguyễn Văn Sáng | Khoa Sinh học | ĐHQGHN | 2/28/17 | | |
| 86 | QG.17.20 | Nghiên cứu tích hợp viễn thám, hệ thông tin địa lý và mô hình khai phá dữ liệu trong đánh giá nguy cơ mắc bệnh sốt rét tại tỉnh Đắk Nông | Bùi Quang Thành | Khoa Địa lý | ĐHQGHN | 2/28/17 | | |
| 88 | QG.17.22 | Nghiên cứu tương tác giữa phytolith và cacbon hữu cơ trong đất lúa đồng bằng sông Hồng và đề xuất các giải pháp ứng dụng | Nguyễn Ngọc Minh | Khoa Môi trường | ĐHQGHN | 2/28/17 | | |
| 89 | QG.17.23 | Nghiên cứu đặc điểm hình thành và phân bố hàng động núi lửa ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ | Đặng Văn Bào | Khoa Địa lý | ĐHQGHN | 2/28/17 | | |
| 92 | QG.17.26 | Nghiên cứu chế tạo vật liệu perovskite cơ kim halogen trên cơ sở các cation hữu cơ khác nhau nhằm ứng dụng cho pin năng lượng mặt trời | Trương Thanh Tú | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 2/28/17 | | |
| 93 | QG.17.27 | Nghiên cứu hạn chế quá trình lan truyền của các hoá chất bảo vệ thực vật từ đất mặt ra môi trường nước sử dụng khoáng sét tự nhiên biến tính bởi oxit kim loại | Nguyễn Minh Phương | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 2/28/17 | | |
| 87 | QG.17.21 | Nghiên cứu phát triển giá thể mang vi sinh vật dạng chuyển động ứng dụng xử lý nước thải sinh hoạt mô hình pilot | Nguyễn Mạnh Khải | Khoa Môi trường | ĐHQGHN | 3/6/17 | | |
| 84 | QG.17.18 | Nghiên cứu ứng dụng và phát triển hệ thiết bị đo pH/đo hô hấp và thiết bị đo khả năng sinh khí metan từ chất thải công nghiệp chế biến thực phẩm | Phạm Hùng Việt | Trung tâm CETASD | ĐHQGHN | 4/18/17 | | |
| 90 | QG.17.24 | Nghiên cứu đánh giá nguồn tài nguyên nước biển sử dụng làm nguyên liệu sản xuất thuốc chữa bệnh mắt, xoang miệng | Nguyễn Đình Nguyên | Khoa Địa chất | ĐHQGHN | 4/18/17 | | |
| 91 | QG.17.25 | Nghiên cứu xử lý, ổn định và đánh giá tiềm năng tái sử dụng bùn thải sinh hoạt đô thị | Bùi Duy Cam | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 4/18/17 | | |
| 116 | TXTCN.17.02 | Nghiên cứu, đánh giá vai trò của rừng ngập mặn Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh trong ứng phó biến đổi khí hậu | Mai Trọng Nhuận | Khoa Địa chất | ĐHQGHN | 7/1/17 | | |
| 94 | QG.18.01 | Về tập ô của quỹ đạo dưới tác động của nhóm đại số | Đào Phương Bắc | Khoa Toán - Cơ - Tin học | ĐHQGHN | 3/26/18 | | |
| 95 | QG.18.02 | Đường bay tối ưu trong hàng không | Hoàng Nam Dũng | Khoa Toán - Cơ - Tin học | ĐHQGHN | 3/26/18 | | |
| 96 | QG.18.03 | Xây dựng các thiết kế mặt đáp ứng 3-mức với cỡ phù hợp tiết kiệm | Phạm Đình Tùng | Khoa Toán - Cơ - Tin học | ĐHQGHN | 3/26/18 | | |
| 97 | QG.18.04 | Nghiên cứu phát triển một số kĩ thuật khử nhiễu ảnh dựa trên biểu diễn thưa và mô hình hồi quy tuyến tính | Đỗ Thanh Hà | Khoa Toán - Cơ - Tin học | ĐHQGHN | 3/26/18 | | |
| 98 | QG.18.06 | Tổng hợp, nghiên cứu cấu trúc, tính chất hóa lý và khả năng trao đổi ion của phức chất hỗn hợp kim loại trên cơ sở phối tử 2,2'-[1,2-Phenylene bis(oxy)]điactetyl bis(N,N-đi-alkylthioure) | Phạm Chiến Thắng | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 3/26/18 | | |
| 99 | QG.18.07 | Tổng hợp, nghiên cứu cấu trúc và hoạt tính gây độc tế bào của các dẫn xuất (bis-naphthalyl) azacrown ether | Đào Thị Nhung | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 3/26/18 | | |

| | | | | | | | | |
|-----|--------------|--|----------------------|-----------------|---------|---------|----------|----------|
| 100 | QG.18.08 | Phát triển công nghệ chế tạo vật liệu đa chức năng trên cơ sở biến tính tro bay tại các nhà máy nhiệt điện, ứng dụng trong xử lý các nguồn thải hữu cơ và khí CO ₂ | Đào Sỹ Đức | Khoa Hóa học | ĐHQGHN | 3/26/18 | | |
| 101 | QG.18.09 | Nghiên cứu khả năng kích thích miễn dịch kháng ung thư của exosome tiết từ các tế bào tua máu dây rốn người nhằm hướng tới ứng dụng trong chế tạo vắc xin chống ung thư | Hoàng Thị Mỹ Nhung | Khoa Sinh học | ĐHQGHN | 3/26/18 | | |
| 102 | QG.18.11 | Sàng lọc in silico một số hợp chất từ thực vật Việt Nam có khả năng tương tác với thụ thể viêm NLRP3 và kết hợp các phương pháp sinh học để phát triển sản phẩm tiềm năng điều trị bệnh gout | Đỗ Minh Hà | Khoa Sinh học | ĐHQGHN | 3/26/18 | | |
| 103 | QG.18.13 | Nghiên cứu xây dựng hệ thống đệm sinh học xử lý hóa chất bảo vệ thực vật tại vùng canh tác nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội | Lê Văn Thiện | Khoa Môi trường | ĐHQGHN | 3/26/18 | | |
| 104 | QG.18.14 | Nghiên cứu sự biến động trạng thái ứng suất kiến tạo và mối quan hệ với động đất kích thích nhằm dự báo các vùng có khả năng phát sinh động đất ở khu vực thủy điện Sông Tranh 2, tỉnh Quảng Nam | Lường Thị Thu Hoài | Khoa Địa chất | ĐHQGHN | 3/26/18 | | |
| 105 | QG.18.15 | Nghiên cứu ảnh hưởng và đề xuất các giải pháp kỹ thuật giảm thiểu tác động của xâm nhập mặn đến ổn định nền-móng công trình xây dựng dân dụng trên nền đất yếu ven biển thành phố Hải Phòng | Nguyễn Ngọc Trục | Khoa Địa chất | ĐHQGHN | 3/26/18 | | |
| 106 | QG.18.16 | Nghiên cứu đánh giá đa lợi ích từ rừng ngập mặn nhằm nâng cao tính bền vững và duy trì sinh kế cộng đồng ở khu vực ven biển, lấy ví dụ huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa | Nguyễn Thị Hoàng Hà | Khoa Địa chất | ĐHQGHN | 3/26/18 | | |
| 120 | 08/2013/HĐĐT | Đánh giá tiềm năng đất phục vụ định hướng quy hoạch bền vững sử dụng đất nông nghiệp huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định | Phạm Thị Phin | Khoa Địa lý | Quỹ ARC | 12/1/13 | 4/20/16 | Tốt |
| 121 | 09/2013/HĐĐT | Nghiên cứu sử dụng vật liệu nano oxit sắt III (Fe ₂ O ₃) để xử lý Asen (As) trong nước | Nguyễn Kiều Bằng Tâm | Khoa Môi trường | Quỹ ARC | 12/1/13 | 3/4/16 | Tốt |
| 122 | 11/2014/HĐĐT | Phát triển phương pháp thăm dò điện đa cực phục vụ nghiên cứu môi trường ở Việt Nam | Vũ Đức Minh | Khoa Vật lý | Quỹ ARC | 10/1/14 | 1/26/16 | Xuất sắc |
| 124 | CA.14.6A | Nghiên cứu ứng dụng phương pháp siêu âm kiểm tra không phá hủy nhằm phát hiện và đánh giá sai hỏng trong một số vật liệu rắn | Phạm Văn Thành | Khoa Vật lý | Quỹ ARC | 10/1/14 | 3/10/16 | Tốt |
| 123 | CA.14.11A | Nghiên cứu chế tạo hạt nano bán dẫn pha tạp phân tán tốt trong dung dịch bằng phương pháp đồng kết tủa kết hợp siêu âm nhằm ứng dụng trong y sinh | Nguyễn Hoàng Nam | Khoa Vật lý | Quỹ ARC | 11/1/14 | 2/1/16 | Xuất sắc |
| 125 | CA.15.11A | Nghiên cứu tính đa dạng thực vật bậc cao có mạch thuộc Khu Bảo tồn thiên nhiên Bắc Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị làm cơ sở cho công tác bảo tồn | Đỗ Thị Xuyên | Khoa Sinh học | Quỹ ARC | 7/1/15 | 10/25/17 | Xuất sắc |
| 126 | CA.15.12A | Ứng dụng phương pháp phổ dao động Raman trong nghiên cứu cấu trúc phân tử zircon vùng Tây Nguyên, Việt Nam | Lê Thị Thu Hương | Khoa Vật lý | Quỹ ARC | 7/1/15 | 3/10/17 | Tốt |
| 127 | CA.16.02A | Chế tạo vật liệu nano bán dẫn trên cơ sở Cu, Zn, Pb định hướng ứng dụng để nhận biết một số chất độc hữu cơ (Rhodamine, Phenol...) trong nước thải công nghiệp | Nguyễn Việt Tuyên | Khoa Vật lý | Quỹ ARC | 8/22/16 | 11/6/17 | Tốt |

| | | | | | | | | |
|-----|----------------------|--|---------------------|-----------------|---------|---------|----------|----------|
| 128 | CA.17.10A | Nghiên cứu tiến hóa trầm tích và quá trình bồi tụ - xói lở bờ biển cửa Ba Lạt - Hải Hậu từ 1000 năm đến nay trong bối cảnh biến đổi khí hậu và dâng cao mực nước biển; đề xuất định hướng quy hoạch và quản lý đới bờ theo hướng phát triển bền vững | Trần Thị Thanh Nhân | Khoa Địa chất | Quỹ ARC | 7/25/17 | | |
| 129 | 01C-04/11-2014-2 | Nghiên cứu các di sản tự nhiên và văn hóa vùng Ba Vi - Sơn Tây, Hà Nội nhằm xây dựng công viên địa chất (Geopark) phục vụ phát triển du lịch bền vững | Tạ Hòa Phương | Khoa Địa chất | Tỉnh | 4/1/14 | 6/10/16 | Xuất sắc |
| 132 | 01C-09-TC/05-15-03 | Nghiên cứu chế tạo hệ thống đồng bộ xử lý nước ngầm có hàm lượng asen cao, sử dụng cho ăn uống, quy mô phân tán, cấp cho các vùng nông thôn ngoại thành Hà Nội với chi phí thấp | Nguyễn Mạnh Khải | Khoa Môi trường | Tỉnh | 6/1/15 | 12/27/17 | Khá |
| 130 | 16/HĐ-KHCN | Nghiên cứu phát triển công nghệ chuyển hóa phụ phẩm dứa thành khí sinh học (biogas) và sử dụng phế phẩm của quá trình này để sản xuất hữu cơ vi sinh | Phan Thị Tuyết Mai | Khoa Hóa học | Tỉnh | 2/25/16 | | |
| 131 | 195/2016/HĐTV-ĐHKHTN | Thành lập khu bảo tồn đất ngập nước Đồng Rui - Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh | Nguyễn Cao Huân | Khoa Địa lý | Tỉnh | 5/16/16 | 5/16/17 | Đạt |
| 133 | 13/2016/HĐ-SKHCHN | Chuẩn hóa các kết quả nghiên cứu về địa kỹ thuật - môi trường thành phố Hà Nội phục vụ công tác quản lý tài nguyên, quy hoạch, xây dựng và sử dụng đất hiệu quả, bền vững | Trần Mạnh Liễu | Khoa Địa chất | Tỉnh | 7/1/16 | | |
| 135 | 01HL/HĐĐH-CCBHD | Nghiên cứu thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Phú Yên | Nguyễn Cao Huân | Khoa Địa lý | Tỉnh | 6/1/17 | | |
| 134 | 08/2017/HĐĐH | Khoanh định khu vực cấm, vùng hạn chế, vùng đăng ký, ngưỡng khai thác nước dưới đất và vùng bổ sung nhân tạo nước dưới đất; lập hành lang bảo vệ nguồn nước và xác định dòng chảy tối thiểu trên các dòng sông trên địa bàn tỉnh Quảng Trị | Nguyễn Thanh Sơn | Khoa KT-TV-HDH | Tỉnh | 7/13/17 | | |